TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày: 19-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đình Nguyên và bà Võ Thị Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 21/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Võ L, sinh năm 1961 tại Q, An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Q, xã Q1, thị xã Q1, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ 01, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Quản lý nhà nghỉ; trình độ văn hóa: 01/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông E và bà E1 (ông E và bà E1 đều đã chết); vợ là H2 và có 5 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/12/2018 đến 17/12/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 tại K, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 02, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông R (đã chết) và bà R1; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/12/2018 đến ngày 17/12/2018 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phan Thị D, sinh năm 1993, địa chỉ: 53A Y, phường 5, quận Y1, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Bùi Thị D1, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố Liên Hiệp 1, phường Q2, thành phố Q1, tỉnh Q1; vắng mặt.

3. Nguyễn Đức Q, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 2, phường A3, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

4. Nguyễn Quang H, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 1, phường A2, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

5. Nguyễn Phước V, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 2, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

6. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1959; trú tại: Tổ 1, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

* *Người làm chứng:*

1. NLC1;

2. NLC2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà NLC1 là chủ sở hữu nhà nghỉ Hoàng Gia ở Tổ 5, phường A2, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bà NLC1 có thuê Võ Văn L làm nhân viên quản lý nhà nghỉ. Do quen biết từ trước nên vào tháng 11 năm 2018 Nguyễn Thị Dạ T có nói với Võ L khi nào có khách mua dâm thì gọi T để đưa gái bán dâm đến, giá mỗi lần bán dâm là 250.000đ, trong đó gái bán dâm được hưởng 200.000 đồng, T hưởng tiền môi giới 50.000 đồng. Nghe T nói vậy thì L đồng ý.

Vào khoảng 20 giờ ngày 08/12/2018, Nguyễn Đức Q rủ Nguyễn Quang H đến nhà nghỉ Thanh Bình ở Tổ 4, phường A2, thị xã A, tỉnh Gia Lai để tìm gái mua dâm thì gặp bà H2 là nhân viên quản lý nhà nghỉ. Q thuê hai phòng và yêu cầu bà H2 gọi 02 gái bán dâm đến để mua dâm, bà H2 trả lời: "Không có, tụi bay tự gọi". Sau khi vào phòng số 102 và 103 được khoảng 05 phút thì Q và H thấy ở gần nhà người quen nên đi ra trả phòng rồi Q tiếp tục rủ H đến nhà nghỉ Hoàng Gia để tìm gái mua dâm. Khi đến nơi, thấy nhà nghỉ Hoàng Gia đóng cửa Q điện thoại số 0969.891.249 ghi trên bảng hiệu nhà nghỉ thì gặp NLC2 là con nuôi của bà NLC1. Q hỏi NLC2 sao nhà nghỉ đóng cửa, NLC2 nói Q đợi rồi NLC2 gọi điện thoại cho Võ L nói: "Chú đang ở đâu, có khách đứng trước cửa". Nghe vậy, Võ L về nhà nghỉ gặp Q và H. Q hỏi Lô: "Có gái không, gọi cho hai đứa", L trả lời: "Để tao gọi coi có thì chở đến". Hai bên thỏa thuận về việc mua bán dâm, khi mua dâm xong Q đưa tiền cho Lô. Sau đó Q vào phòng số 2, H vào phòng số 3 còn Võ L dùng điện thoại số 0971926245 gọi cho Nguyễn Thị Dạ T theo số 0966985737 nói: "Có gái không dẫn lên hai đứa", T trả lời: "có". Lúc này, tại nhà T có gái bán dâm là Bùi Thị D1 và Phan Thị D. Trước đó T có thỏa thuận với D1 và D mỗi lần bán dâm sẽ lấy của khách 250.000đ, sau khi về đưa cho T 50.000đ tiền môi giới. T nói D1 đi bán dâm, D1 đồng ý. Còn Phan Thị Thùy D đi ăn tối nên T dùng điện thoại số 0966985737 gọi cho Phan Thị Thùy D theo số 0393041873 nói đến nhà nghỉ Hoàng Gia bán dâm, D đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 77Y2-5254 chở D1, còn D tự điều khiển xe mô tô biển số 77G1-455.94 cùng đến nhà nghỉ Hoàng Gia. Tại đây, T dẫn D1 và D gặp L rồi đi về. L chỉ D vào phòng của Q, D1 vào phòng của H. Khi vào phòng, D đi ra quầy lễ tân gặp L

xin hai bao cao su, còn D1 tự mang theo một bao cao su. Rồi D và Q, D1 và H tự cởi quần áo ra để quan hệ tình dục. Khi hai cặp nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an phường A2, thị xã A bắt quả tang và NLC1 giữ các vật chứng có liên quan.

Tại Bản cáo trạng số: 21/CTr-VKS ngày 17/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Võ L về tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Môi giới mại dâm" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ L phạm tội "Chứa mại dâm" và bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Môi giới mại dâm". Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 327; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Võ L; xử phạt bị cáo Võ L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Đề nghị căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị T; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng và quyết định án phí theo quy định của pháp luật.

Lời khai của Bùi Thị D1 và Phan Thị D có tại hồ sơ thể hiện: Bùi Thị D1 và Phan Thị D đều là gái bán dâm. Vào tối ngày 08/12/2018 thông qua việc môi giới của Nguyễn Thị T, Bùi Thị D1 và Phan Thị D đã đến nhà nghỉ Hoàng Gia ở Tổ 5, phường A2, thị xã A, tỉnh Gia Lai gặp Võ L để bán dâm cho hai người thanh niên. Trong lúc, Bùi Thị D1 và Phan Thị D đang thực hiện hành vi mua bán dâm với khách tại phòng số 2 và phòng số 3 nhà nghỉ Hoàng Gia thì bị Công an phường A2 bắt quả tang. Trước đó, Bùi Thị D1 và Phan Thị D đã thống nhất với Nguyễn Thị T mỗi lần bán dâm sẽ thu của khách 250.000đ, trong đó Nguyễn Thị T được hưởng 50.000đ.

Lời khai của Nguyễn Đức Q và Nguyễn Quang H đều thể hiện: Vào tối ngày 08/12/2018, Nguyễn Đức Q rủ Nguyễn Quang H đến nhà nghỉ Thanh Bình ở Tổ 4, phường A2, thị xã A, tỉnh Gia Lai để tìm gái mua dâm nhưng không có nên đã đến nhà nghỉ Hoàng Gia để tìm gái mua dâm. Tại đây, Nguyễn Đức Q và Nguyễn Quang H gặp Võ L là nhân viên quản lý nhà nghỉ để thuê phòng và tìm gái mua dâm. Võ L đã chỉ cho Q vào phòng số 2, H vào phòng số 3. Khoảng 10 đến 15 phút sau thì có hai cô gái đến bán dâm. Trong lúc Nguyễn Đức Q và Nguyễn Quang H đang thực hiện hành vi mua bán dâm với hai cô gái bán dâm thì bị Công an phường A2 bắt quả tang.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: Bà là nhân viên quản lý tại nhà nghỉ Thanh Bình ở Tổ 4, phường A2, thị xã A, tỉnh Gia Lai và là vợ của bị cáo Võ L. Vào khoảng 20 giờ ngày 08/12/2018 có hai thanh niên vào nhà nghỉ Thanh Bình thuê phòng và tìm gái mua dâm nhưng bà trả lời không có gái bán dâm. Sau đó, hai thanh niên này trả phòng và nói là do gần nhà người quen nên ngại. Việc Võ L thực hiện hành vi chứa gái mại dâm vào tối ngày 08/12/2018 tại nhà nghỉ Hoàng Gia ở Tổ 5, phường A2, thị xã A, tỉnh Gia Lai bà hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Phước V trình bày: Anh là chồng của bị cáo Nguyễn Thị T làm nghề lái xe nên thường ít ở nhà. Anh hoàn toàn không biết việc Nguyễn Thị T thực hiện hành vi môi giới để Bùi Thị D1 và Phan Thị D bán dâm cho khách vào tối ngày 08/12/2018 tại nhà nghỉ Hoàng Gia ở Tổ 5, phường A2, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào tối ngày 08/12/2018 Nguyễn Đức Q và Nguyễn Quang H đến nhà nghỉ Hoàng Gia thuộc Tổ 5, phường A2, thị xã A, tỉnh Gia Lai gặp Võ L là nhân viên quản lý nhà nghỉ để thuê phòng và tìm gái mua dâm. Võ L đã gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Dạ T để tìm gái bán dâm cho Nguyễn Đức Q và Nguyễn Quang H. Sau khi nghe điện thoại của Võ L, Nguyễn Thị Dạ T chở Bùi Thị D1 đồng thời gọi điện thoại cho Phan Thị D cùng đến nhà nghỉ Hoàng Gia để bán dâm. Sau khi đến nhà nghỉ Hoàng Gia, Võ L chỉ cho Phan Thị D vào phòng số 2 để bán dâm cho Nguyễn Đức Q, Bùi Thị D1 vào phòng số 3 để bán dâm cho Nguyễn Quang H. Trong lúc hai đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an phường A2 bắt quả tang. Do đó, đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Võ Văn L phạm tội "Chứa mại dâm", bị cáo Nguyễn Thị Dạ T phạm tội "Môi giới mại dâm". Bị cáo Võ L không phải chịu tình tiết tăng nặng định khung nào nên bị cáo đã vi phạm vào khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Dạ T môi giới mại dâm đối với 02 người nên phải chịu tình tiết tăng nặng định khung "Đối với 02 người trở lên" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, hủy hoại nhân cách con người, có tác động tiêu cực đến trật tự trị an tại địa phương. Trong vụ án

này bị cáo Võ L là người đã gọi gái mại dâm đến bán dâm cho khách ngay tại nhà nghỉ do mình quản lý, trực tiếp thỏa huận về việc mua bán dâm, lấy tiền của người mua dâm. Bị cáo Nguyễn Thị T là người trung gian dẫn dắt để các bên thực hiện việc mua dâm, bán dâm. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các đặc điểm về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

[6] Không có cơ sở xác định NLC1 là chủ sở hữu nhà nghỉ Hoàng Gia, anh NLC2 là con nuôi NLC1, bà Nguyễn Thị H2 là vợ của bị cáo Võ Văn Lô, anh Nguyễn Phước V là chồng của bị cáo Nguyễn Thị T có liên quan đến hành vi phạm tội của Võ L và Nguyễn Thị T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không xử lý đối với NLC1, anh NLC2, bà Nguyễn Thị H2 và anh Nguyễn Phước V là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Đức Q và Nguyễn Quang H có hành vi "Mua dâm"; Bùi Thị D1 và Phan Thị D có hành vi "Bán dâm" nên Công an thị xã A xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng này là đúng quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong vụ án này Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 bao cao su hiệu Hoa Hồng đã qua sử dụng;

- 01 bao cao su hiệu Hoa Hồng chưa sử dụng;

- 01 bao cao su hiệu PRETX đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động hiệu FORME màu xanh số IMEI 355960083469706 và sim điện thoại số thuê bao 0971926245 có số seri 8984048000014586153 của Võ L;

- 01 điện thoại di động hiệu Vell-com màu đỏ đen có số IMEI1: 866709020101951, số IMEI2 866709020101969 và sim điện thoại số 0965795126 của H2;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ đen, kiểu máy CPH 1819, sim điện thoại số thuê bao 0966985737 có số seri 8984048831007953 và sim điện thoại số thuê bao 0901910754 có số seri 840116102442799301 của Nguyễn Thị Dạ T;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen số IMEI 356067034747641 và sim điện thoại số thuê bao 038815720 có số seri 8984048000036041579 của Nguyễn Đức Q;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO số IMEI 868836039445737 và sim điện thoại số thuê bao 0393041873 có số seri 898404800015914280 của Phan Thị D;

- Xe mô tô mang biển số 77G1-455.94 của anh Nguyễn Phước V;

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 800.000đ (tám trăm ngàn đồng) của Nguyễn Đức Q dùng để mua dâm.

Xét thấy: Các vật chứng của vụ án gồm: 01 bao cao su hiệu Hoa Hồng đã qua sử dụng; 01 bao cao su hiệu Hoa Hồng chưa sử dụng; 01 bao cao su hiệu PRETX đã qua sử dụng; sim điện thoại số thuê bao 0971926245 có số seri

8984048000014586153 của Võ L; sim điện thoại số thuê bao 0966985737 có số seri 8984048831007953 và sim điện thoại số thuê bao 0901910754 có số seri 840116102442799301 của Nguyễn Thị Dạ T; sim điện thoại số thuê bao 038815720 có số seri 89840480000036041579 của Nguyễn Đức Q và sim điện thoại số thuê bao 0393041873 có số seri 898404800015914280 của Phan Thị D không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu FORME màu xanh số IMEI 355960083469706 của Võ L; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ đen, kiểu máy CPH 1819 của Nguyễn Thị Dạ T; 01 điện thoại di động Nokia màu đen số IMEI 356067034747641của Nguyễn Đức Q; 01 điện thoại di động hiệu OPPO số IMEI 868836039445737 của Phan Thị D; tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) của Nguyễn Đức Q dùng để mua dâm là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước;

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vell-com màu đỏ đen có số IMEI1: 866709020101951, số IMEI2 866709020101969 và sim điện thoại số 0965795126 của H2 không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bà Nguyễn Thị H2;

Đối với chiếc xe mô tô mang biển số 77G1-455.94 của anh Nguyễn Phước V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại cho anh Nguyễn Phước V là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩmtheo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 327; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Võ L;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị T;

Tuyên bố bị cáo Võ L phạm tội "Chứa mại dâm";

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Môi giới mại dâm";

Xử phạt bị cáo Võ L 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào trại chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/12/2018 đến ngày 17/12/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào trại chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/12/2018 đến ngày 17/12/2018.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 bao cao su hiệu Hoa Hồng đã qua sử dụng; 01 bao cao su hiệu Hoa Hồng chưa sử dụng; 01 bao cao su hiệu PRETX đã qua sử dụng; sim điện thoại số thuê bao 0971926245 có số seri 898404800001458615 3 của Võ L; sim điện thoại số thuê bao 0966985737 có số seri 8984048831007953 và sim điện thoại số Thuê bao 0901910754 có số seri 840116102442799301 của Nguyễn Thị Dạ T; sim điện thoại số thuê bao 038815720 có số seri 8984048000036041579 của Nguyễn Đức Q và sim điện thoại số thuê bao 0393041873 có số seri 898404800015914280 của Phan Thị D.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu FORME màu xanh số IMEI 355960083469706 của Võ L; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ đen, kiểu máy CPH 1819 của Nguyễn Thị Dạ T; 01 điện thoại di động Nokia màu đen số IMEI 356067034747641 của Nguyễn Đức Q; 01 điện thoại di động hiệu OPPO số IMEI 868836039445737 của Phan Thị D; tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) của Nguyễn Đức Q.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H2: 01 điện thoại di động hiệu Vell-com màu đỏ đen có số IMEI1: 866709020101951, số IMEI2 866709020101969 và sim điện thoại số 0965795126.

Về án phí: Buộc các bị cáo Võ L và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (19/6/2019), bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Tứ Hải